

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14/5/2020

V/v “*Kiện ly hôn,*

tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Long;
2. Bà Vi Thị Thuật;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Quốc Vương – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 21/2020/TLST - HNGĐ ngày 14/02/2020 về việc kiện “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/3/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/4/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn chị Lữ Thị N - sinh năm 1987.

Trú tại: Bản N, xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn anh Lương Văn H- Sinh năm 1978.

Trú tại: Bản N, xã K, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lữ Thị N trình bày: Chị và anh Lương Văn H về chung sống với nhau từ năm 2008, đến ngày 07/7/2011 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Bảo Yên trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống với nhau, vợ chồng anh chị luôn xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh H không tu chí làm ăn, thường xuyên uống

ruợu, chơi bời cờ bạc nợ nần nhiều. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình bạn bè khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Từ tháng 8 năm 2018 khi vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn anh H còn cắt tóc và đánh chị N. Cũng trong thời gian chị N đi làm ăn xa nha thì anh H đã đưa người phụ nữ khác về nhà chung sống. Khi chị N biết đã khuyên bảo anh H, anh H hứa hẹn không tái phạm nhưng sau chị N đi làm ăn thì anh H vẫn chứng nào tật ấy không thay đổi. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay, chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn H.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung, cháu tên là Lương Thị S sinh ngày 11/01/2009 và cháu Lương Thị Bích H sinh ngày 17/9/2015. Từ khi sống ly thân các cháu vẫn ở cùng chị N. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai cháu đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và tại biên bản hòa giải anh Lương Văn H khai: Anh H công nhận về thời gian, điều kiện và địa điểm đăng ký kết hôn như Chị N trình bày là đúng sự thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau. Chị N đi làm ăn xa, khi về nhà thì vợ chồng thường xảy ra đánh cãi chửi nhau, trong lúc nóng giận Anh H đã cắt tóc Chị N, từ đó tình cảm vợ chồng dần dần xa cách. Anh H công nhận trong thời gian Chị N vắng nhà, do Chị N và mẹ Chị N xúi giục nên Anh H đưa người phụ nữ khác về sống chung, tuy nhiên đến nay Anh H đã không còn chung sống với người phụ nữ đó nữa. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình khuyên giải, nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Anh chị sống ly thân từ năm 2018 đến nay từ đó không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Đến nay Chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, Anh H xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, con cái còn nhỏ nên không nhất trí ly hôn với Chị N.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai người con chung, về tên tuổi như Chị N trình bày là đúng. Trường hợp Chị N kiên quyết xin ly hôn, Anh H có nguyện vọng để Chị N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai cháu Lương Thị S sinh ngày 11/01/2009 và cháu Lương Thị Bích H sinh ngày 17/9/2015 đến khi các cháu đủ 18 tuổi, Anh H không cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay Anh H không có nghề nghiệp ổn định.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, hội đồng xét

xử, những người tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo đúng trình tự luật định, không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo. Đề nghị Tòa án áp dụng điều 51; điều 56; điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lữ Thị N:

-Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lữ Thị N được ly hôn với anh Lương Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Lương Thị S sinh ngày 11/01/2009 và cháu Lương Thị Bích H sinh ngày 17/9/2015 cho chị Lữ Thị N trực tiếp trông nom nuôi dưỡng chăm sóc đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Lương Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuyên quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung cho các đương sự. Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

Tại phiên tòa chị Lữ Thị N vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp của vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, theo khoản 1 điều 28; khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 – Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Bị đơn anh Lương Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lương Văn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lữ Thị N và anh Lương Văn H về chung sống với nhau từ năm 2008, đến ngày 07/7/2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc khoảng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống không tin tưởng và không chung thủy với nhau, từ đó thường xảy ra đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình bạn bè hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Chị Lữ Thị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn H. Vợ

chồng anh chị chính thức sống ly thân từ năm 2018 đến nay không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như kinh tế. Như vậy cuộc sống vợ chồng giữa Chị N và Anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lữ Thị N là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có hai con chung cháu Lương Thị S sinh ngày 11/01/2009 và cháu Lương Thị Bích H sinh ngày 17/9/2015. Xét thấy chị Lữ Thị N có nghề nghiệp và có mức thu nhập 5.000.000 đồng/tháng, Chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con và không yêu cầu Anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải Anh H cũng có ý kiến nhất trí để Chị N trực tiếp nuôi dưỡng các con, hiện nay Anh H không có nghề nghiệp, không có thu nhập. Mặt khác, từ khi Chị N và Anh H sống ly thân thì hai cháu Lương Thị S và Lương Thị Bích H vẫn ở cùng Chị N, cháu Lương Thị S có nguyện vọng được ở với mẹ, hơn nữa các cháu là con gái, còn nhỏ tuổi. Do vậy cần giao hai cháu Lương Thị S và Lương Thị Bích H cho chị Lữ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Tạm thời anh Lương Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lữ Thị N phải chịu tiền án phí ly hôn theo khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lữ Thị N và anh Lương Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Thị S sinh ngày 11/01/2009 và cháu Lương Thị Bích H sinh ngày 17/9/2015 cho chị Lữ Thị N trực tiếp trông nom nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Lương Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lương Văn H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Lữ Thị N phải chịu 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001728 ngày 14/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, Chi N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND (2);
- Các đương sự;
- THADS huyện;
- UBND xã C;
- Lưu HS; TA; VP.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thị Anh